

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 213/2022/HS-ST**

**Ngày: 30/6/2022**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tâm

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Nhã

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đức Thọ

Bà Lục Thanh Thủy

Ông Lê Văn Sự

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 105/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn N**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Thôn K, xã H, huyện V, thành phố H1 Phòng; nơi cư trú: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trịnh Thị L; có vợ Nguyễn Thị Vân A và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 31/STHS ngày 12/02/2004 của Tòa án nhân dân thành phố H1 Phòng xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” (ra tù ngày 18/3/2010, đã xoá án tích);

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 15/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

Danh chỉ bản số 000000758 lập ngày 16/12/2021 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

**\* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:**

- Ông Nguyễn Ánh Thơm, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *vắng mặt tại phiên tòa;*

- Ông Vũ Gia Trường và ông Đào Văn Tài, Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Hồng H1 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

**\* Bị hại:** Chị Cao P L, sinh năm 1987 và anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1986; cùng trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình; *vắng mặt tại phiên tòa.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Chị Cao P L là bạn học cùng với chị Lê Thanh N. Khoảng tháng 8/2014, do cần tiền để làm ăn nên chị L và chồng là anh Vũ Ngọc H đã nhiều lần vay tiền của chị N. Vì có quan hệ quen biết nên việc vay tiền giữa chị L và anh H với chị N không viết giấy vay nợ và không ký nhận trong sổ sách. Thời gian đầu, chị L và anh H vay, trả sòng phẳng, thanh toán đúng hạn. Đến tháng 4 - 5/2015, do làm ăn thua lỗ nên chị L và anh H không thanh toán tiền vay nợ đúng hạn cho chị N. Chị N đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu chị L và anh H trả nợ nhưng cả hai tránh mặt, không liên lạc với chị N. Bức xúc vì không đòi nợ được nên chị N đã nói cho chồng là Đỗ Gia T biết. Đầu tháng 10/2015, T kể lại sự việc nêu trên cho bạn là Nguyễn Nam H và bạn gái của H là Nguyễn Thanh P. P nói với T là sẽ giúp T đòi tiền của chị L và anh H nên T đã cung cấp cho P địa chỉ nơi ở của anh H và chị L tại tỉnh Thái Bình; đồng thời đưa cho P ảnh của anh H (qua nguồn Facebook). Tháng 10/2015, sau khi xác định được chỗ ở của chị L và anh H, P đã 02 lần cùng H, T, Phạm Ngọc A và Nguyễn Văn N đi về tỉnh Thái Bình và lên khu vực thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để tìm gặp chị L và anh H đòi nợ nhưng không gặp.

Ngày 05/11/2015, P biết được thông tin chị L và anh H đang ở tại phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên gọi điện thoại thông báo cho T biết. T đã gọi điện thoại cho bạn là Trần Trung H1 và

thông báo cho A, N biết; đồng thời hẹn gặp A và N ở khu vực đầu đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang. Lúc này, A và N đang ngồi uống nước cùng hai đối tượng tên là C và T2 (chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ) nên đã rủ C và T2 đi cùng. Sau đó, T điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai màu trắng, biển kiểm soát 29A-413.83 (xe của T) chở H, H1 và P. Còn N điều khiển xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển kiểm soát 30F-5802 (xe của A) chở A cùng C và T2 đi lên thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 05/11/2015, T cùng P, H, H1, A, N, C và T2 tập trung tại thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Qua truy tìm, cả nhóm nhìn thấy chị L và anh H đang đi bộ trên phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô nên T dừng xe ô tô chặn chị L và anh H lại, N cũng dừng xe ô tô lại. Sau đó, P cùng H, H1, A, C và T2 xuống xe để dồn, ép chị L lên xe ô tô của N. Do anh H chống cự nên C dùng tay ghì cổ anh H để A, T2 và H1 đẩy anh H vào trong xe ô tô của N. C và T2 đè anh H xuống sàn xe ô tô; còn H ở ngoài gần giọng đe dọa chị L: *“Lên xe đi, có gì giải quyết sau”* và kéo tay, đẩy chị L lên xe ô tô của N rồi đóng cửa xe lại. Sau đó, T điều khiển xe ô tô chở P, H và H1. Còn N điều khiển xe ô tô chở A, C, T2 cùng chị L và anh H về quán ăn H2T tại thôn Sáp Mai, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội. Trên đường đi từ thị trấn Đồi Ngô về quán ăn H2T, anh H bị C và T2 đè nằm dưới sàn xe. Anh H thấy trên sàn xe ô tô có 01 con dao bầu (loại dao chọc tiết lợn), sợ bị C và T2 dùng dao khống chế nên dùng tay đẩy con dao vào gầm ghế thì bị C phá hiện. C cầm dao và dùng chuôi dao đập 03 cái vào mặt và cổ anh H rồi đe dọa: *“Tao sẽ lấy một con mắt của mày”*. Dọa xong, C và T2 liên tục dùng chân, tay đánh anh H. Khoảng 15 phút sau, khi anh H đã được ngồi dậy trên sàn xe thì A lấy 01 khẩu súng từ cốp đựng đồ ở bên ghế phụ dùng báng súng đập vào vai trái của anh H rồi nói: *“Mày lẹch thì tao bắn chết”*. Sau đó, A bảo C và T2 thu điện thoại Samsung màu vàng của chị L cùng điện thoại Iphone 5 và điện thoại Nokia 6700 màu vàng của anh H đưa cho A giữ. Trên đường đi, N nói: *“Bọn tao phải ăn nằm bao nhiêu ngày nay để tìm chúng mày”*. A nói tiếp: *“Bọn tao từ bên Hồng Kông về, chúng mày có ở đâu bọn tao cũng tìm được”* nên chị L và anh H sợ, không dám chống cự. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì T cùng P, H, H1, N, A, C và T2 đưa chị L, anh H về đến quán H2T để ăn tối (do T đặt trước). Ăn xong, A trả lại điện thoại cho vợ chồng chị L. P đưa chị L sang phòng bên cạnh để yêu cầu chị L có trách nhiệm trả tiền cho P vì số tiền chị L vay của chị N là tiền chị N vay của P. Khoảng 10 phút sau, N cùng T2, C và H1 đưa anh H vào phòng với chị L. Sau đó, A cùng N, T2, C, H1 ra đứng ngoài cửa phòng; bên trong phòng có T, H và P tiếp tục yêu cầu chị L và anh H phải trả tiền. T, H và P nói với chị L và

anh H: “*Chúng mày vay mượn tiền của bọn tao, trong ngày hôm nay chúng mày phải quyết thu xếp*”. T nói số tiền mà vợ chồng anh H còn nợ là khoảng hơn 1.000.000.000 đồng rồi bảo P và H1 ra ô tô lấy giấy chị N đã ghi những lần cho vợ chồng chị L vay tiền. Sau khi xem, chị L và anh H nói số tiền này không đúng thì P nói: “*Con N nó vay mượn tiền tao để đưa cho vợ chồng mày làm dịch vụ xuất khẩu lao động, bây giờ cái N ủy quyền cho bọn tao làm việc với chúng mày, đây là tổng số tiền cái N đã cộng sổ và bàn giao lại*”. P yêu cầu vợ chồng anh H phải viết giấy xác nhận nợ nhưng anh H không đồng ý và đề nghị được gặp N nói chuyện trực tiếp nên T đã gọi điện bảo chị N mang sổ sách đến quán H2T để chốt nợ với chị L và anh H. Cùng lúc này, H nói với T do khoản nợ của vợ chồng anh H không có giấy tờ chứng minh nên cần yêu cầu vợ chồng anh H viết giấy nhận nợ dưới hình thức chị L và anh H viết giấy thuê xe ô tô; T đồng ý. H gọi điện thoại cho Nguyễn H Sơn (sinh năm 1983; trú tại tổ 36, cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội) bảo Sơn đến quán H2T để làm cầm đồ rồi đưa điện thoại cho T nói chuyện với Sơn. T bảo Sơn mang các giấy tờ cầm đồ đến quán H2T để làm cầm đồ cho T; Sơn đồng ý. Trước khi đến quán H2T, Sơn chuẩn bị các giấy tờ gồm: Hợp đồng cho thuê xe tự lái, bên cho thuê xe là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Sơn Quyền (địa chỉ tại tổ 36, cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội); Phiếu cầm đồ kiêm khế ước vay tiền, mang tên cửa hàng dịch vụ cầm đồ Quang Tú số 10 (địa chỉ số 03, ngõ 38, phố Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Hà Nội) và Hợp đồng vay tiền. Tất cả các giấy tờ trên đều do Sơn soạn thảo theo mẫu từ trước, để trống thông tin về người vay, người thuê xe và loại xe. Sơn ký, đóng dấu trước vào Hợp đồng thuê xe với tư cách là người cho thuê xe, giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Sơn Quyền.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Sơn mang các giấy tờ trên đến quán H2T gặp T. Tại đây, T thống nhất phương án để hợp thức hóa khoản nợ là Sơn dùng xe ô tô của T để cho chị L và anh H thuê, sau đó cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của anh Sơn; T vẫn được quyền quản lý xe ô tô. Sau khi đã bàn bạc thống nhất, T cùng H, P và Sơn vào gặp chị L và anh H. Sơn đưa cho anh H 01 hợp đồng thuê xe ô tô tự lái, yêu cầu chị L và anh H đưa Giấy chứng minh thư nhân dân và yêu cầu điền các thông tin vào Hợp đồng thuê xe. T và H đọc để anh H viết với nội dung anh H và chị L thuê xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 29A-413.83 từ ngày 05/11/2015 đến ngày 06/11/2015 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Sơn Quyền do Sơn là Giám đốc. Sau khi anh H và chị L ký nhận và điểm chỉ vào hợp đồng thuê xe thì Sơn tiếp tục đưa cho anh H 01 Phiếu cầm đồ kiêm khế ước vay tiền của cửa hàng cầm đồ Quang Tú số 10. T yêu cầu anh H viết các thông tin vào với nội dung anh H tự nguyện đặt

chiếc xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 29A-413.83 để vay 787.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 05/11/2015 đến ngày 19/11/2015. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N đến quán H2T và mang theo sổ tay ghi lại những lần vợ chồng anh H vay tiền, sau khi thông báo chốt lại số tiền nợ là 1.088.000.000 đồng (gồm cả gốc và lãi). Do số tiền vợ chồng anh H đã viết cầm cố xe ô tô chưa đủ khoản nợ nên T yêu cầu anh H phải viết thêm Hợp đồng vay tiền và bảo H đứng tên là người cho vay, với nội dung: “Ngày 05/11/2015, anh H đã vay của Nguyễn Nam H số tiền 277.800.000 đồng trong thời hạn từ 05/11/2015 đến 19/11/2015”. Sau khi anh H và chị L viết xong các giấy tờ trên và ký nhận, điểm chỉ theo yêu cầu của T, P thì A cùng N, C và T2 đi về trước. T gọi xe taxi để H, H1 và P đưa vợ chồng anh H vào Bệnh viện Nam Thăng Long để khám mắt. Sau khi khám xong, H gọi xe taxi để chị L, anh H đi về Bắc Giang.

Ngày 07/11/2015, chị Cao P L và anh Vũ Ngọc H đến Phòng Cảnh sát hình sự - Công an thành phố Hà Nội để trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Phiếu cầm đồ kiêm khế ước vay tiền đề ngày 05/11/2015.

Theo Giấy chứng thương số 641/BVXP ngày 24/11/2015 của Bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội, xác định thương tích của anh H như sau: “Đau vùng mắt, bầm tím thái dương trái, kích thước khoảng 3cm; quanh mắt trái sưng nề, tụ máu, tụ máu kết mạc trái; cẳng chân trái đau, không có sưng nề và tụ máu, vận động bình thường; bụng mềm, ngực vững. Xử trí: Điều trị tại nhà theo hướng dẫn và đơn ngoại trú”.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 08/01/2016 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Phạm Ngọc A và Đỗ Gia T. Quá trình đã thu giữ đồ vật, tài sản như sau:

- Thu giữ của Phạm Ngọc A: 01 khẩu súng dạng súng ngắn, màu đen, báng súng ốp nhựa màu hồng, thân súng số No871072 và chữ N1911A1 U.S.ARMY, trong băng tiếp đạn có 15 viên bi bằng kim loại màu trắng và 01 thanh đao dài khoảng 70cm, bản rộng khoảng 05cm, chuôi đao được quấn dây (dạng dây dù); 01 thanh kiếm dài khoảng 60cm, lưỡi rộng khoảng 03cm.

- Thu giữ của Đỗ Gia T: 01 khẩu súng ngắn màu đen, thân súng ký hiệu K-17, trong hộp tiếp đạn chứa 03 viên kim loại màu trắng, 01 dùi cui cao su dài khoảng 50cm.

Ngày 15/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã ra quyết định khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với T, P, H, H1 và A về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”, còn

Nguyễn Văn N bỏ trốn. Đến ngày 15/12/2021, Nguyễn Văn N bị bắt theo Quyết định truy nã.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đỗ Gia T tài liệu gồm: 01 bản photo hợp đồng vay tiền; 01 bản photo hợp đồng cho thuê xe tự lái đối với chiếc xe ô tô Hyundai, biển kiểm soát 29A-41383 cùng 01 bản photo phiếu cầm đồ kiêm khế ước vay tiền, 01 bản photo giấy biên nhận tiền; 02 bản photo Chứng minh thư nhân dân của anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L.

**Tại bản Kết luận giám định số 1088/C54(P3) ngày 24/3/2016 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận:**

“... - Khẩu súng ngắn số hiệu N0 871072 N1911 U.S.ARMY là súng bắn bằng khí gas; khẩu súng ngắn ký hiệu K17 là súng hơi. Hai khẩu súng này đều bắn đạn dạng bi 06mm, thuộc loại đồ chơi nguy hiểm, không phải súng (vũ khí) quân dụng và cũng không thuộc loại có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng. Đối với hai khẩu súng trên, khi bắn vào người chỉ có thể gây thương tích.

- Trong tang thư súng đạn của Viện Khoa học hình sự không có vụ nào thủ phạm sử dụng súng bắn đạn dạng bi để gây án.

- 18 viên bi sắt trong băng tiếp đạn của 02 khẩu súng gửi đến giám định không thể dùng bắn cho súng quân dụng mà thường dùng làm đạn cho các súng thuộc đồ chơi nguy hiểm như: Súng ngắn bằng khí gas, súng hơi, súng tự chế bằng hơi cồn”.

Đối với những bản gốc của hợp đồng vay tiền, hợp đồng cho thuê xe tự lái, giấy biên nhận tiền đã thất lạc nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thanh P (tức Châu Anh), Nguyễn Nam H, Phạm Ngọc A, Trần Trung H1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong đó các bị cáo P, H, A, H1 đều bị xử phạt 01 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; về tội “Cướp tài sản”, bị cáo A bị xử phạt 07 năm tù, bị cáo P bị xử phạt 12 năm tù, bị cáo H bị xử phạt 12 năm tù, bị cáo H1 bị xử phạt 08 năm tù. Ngoài ra, Đỗ Gia T hiện đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh do mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với các đối tượng C và T2: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của C và T2. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách phần hành vi của C và T2 để xem xét, xử lý sau.

Đối với chị Lê Thanh N: Kết quả điều tra xác định, chị N không tham gia vào việc bắt, giữ chị L và anh H; không tham gia cùng các bị can ép vợ chồng chị L, anh H viết giấy nhận nợ; không biết các đối tượng bắt, giữ và đánh chị L và anh H để cướp tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Lê Thanh N.

Đối với Nguyễn H Sơn: Kết quả điều tra xác định Sơn chỉ là người giúp T và H trong việc hợp lý hóa số tiền chị L, anh H vay của chị N theo yêu cầu của T và H. Anh Sơn không biết các bị can đã bắt, giữ và đánh chị L, anh H để đòi nợ nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn H Sơn.

Cáo trạng số 110/CT-VKSHN-P2 ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*** vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội cho rằng: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 năm - 01 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và từ 08 năm - 09 năm tù về tội “Cướp tài

sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 09 năm - 10 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: xét tính chất phạm tội và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 452/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N nhất trí với quan điểm truy tố về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo. Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có nhiều người thân là người có công với cách mạng, tích cực làm việc thiện nguyện; bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn N theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Bị hại anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H, chị L đã có lời khai và ý kiến trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của anh H, chị L không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.



[3]Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 4 - 5/2014, do cần vốn để hoạt động kinh doanh nên vợ chồng anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L đã vay của chị Lê Thanh N số tiền khoảng 200.000.000 đồng có lãi suất do hai bên thỏa thuận. Do không có khả năng trả nợ nên anh H và chị L đã bỏ trốn đến thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ngày 05/11/2015, Đỗ Gia T (là chồng chị N) đã nhờ các đối tượng Nguyễn Thanh P, Nguyễn Nam H, Phạm Ngọc A, Trần Trung H1, Nguyễn Văn N cùng 02 đối tượng là C và T2 (không rõ lai lịch) đi 02 xe ô tô từ thành phố Hà Nội lên thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để tìm anh H và chị L đòi nợ. Khi T cùng P, H, A, H1, N, C và T2 gặp chị L và anh H đang đi bộ tại phố Thanh Tân, thị trấn Đồi Ngô, thì P, H, H1, A, C, T2 xuống xe ô tô và khống chế, ghì, ép, đẩy bắt chị L và anh H lên xe ô tô do N điều khiển đi về Hà Nội. Trên đường đi từ thị trấn Đồi Ngô về quán H2T tại thôn Sáp Mai, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội, anh H đã bị đối tượng C, T2 và A dùng chân, tay đánh, dùng dao và súng đe dọa gây thương tích ở mắt bên trái. Tại quán H2T, các bị cáo đã đe dọa để bắt ép chị L và anh H viết giấy nhận nợ và Giấy vay tiền với tổng số tiền là 1.064.800.000 đồng. Sau khi phạm tội Nguyễn Văn N đã bỏ trốn, ngày 15/12/2021, N bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” với tình tiết “*Đối với nhiều người*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” với tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định Cáo trạng số 110/CT-VKSHN-P2 ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trước đó, ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thanh P (tức Châu Anh), Nguyễn Nam H, Phạm Ngọc A, Trần Trung H1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong đó các bị cáo P, H, A, H1 đều bị xử phạt 01 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; về tội “Cướp tài sản”, bị cáo A bị xử phạt 07 năm tù, bị cáo P bị xử phạt 12 năm tù, bị cáo H bị xử phạt 12 năm tù, bị cáo H1 bị xử phạt 08 năm tù. Đỗ Gia T hiện đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh do mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngoài ra, đối với đối tượng C và T2: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của C và T2. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách phần hành vi của C và T2 để xem xét, xử lý sau.

Đối với chị Lê Thanh N: Kết quả điều tra xác định, chị N không tham gia vào việc bắt, giữ chị L và anh H; không tham gia cùng các bị can ép vợ chồng chị L, anh H viết giấy nhận nợ; không biết các đối tượng bắt, giữ và đánh chị L và anh H để cướp tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với chị Lê Thanh N là phù hợp.

Đối với Nguyễn H Sơn: Kết quả điều tra xác định Sơn chỉ là người giúp T và H trong việc hợp lý hóa số tiền chị L, anh H vay của chị N theo yêu cầu của T và H. Anh Sơn không biết các bị can đã bắt giữ và đánh chị L, anh H để đòi nợ nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn H Sơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Về điều luật áp dụng: Bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 có lợi hơn cho người phạm tội so với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời, tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn cho người phạm tội so với tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999 nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 168 và

các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

[4]Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền tự do thân thể và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho bị hại, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là sai trái nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong đời sống xã hội.

Xét tính chất đồng phạm trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội với vai trò thứ yếu, là người giúp sức. Bị cáo không trực tiếp ép buộc, bắt anh H, chị L nhưng mặc dù biết rõ các bị cáo khác đang bắt, giữ người trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe ô tô để đưa anh H, chị L về quán ăn tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Tại quán ăn, mặc dù không trực tiếp đe dọa, dùng lời nói để ép buộc, tạo áp lực để buộc anh H và chị L phải viết giấy vay nợ, ký hợp đồng thuê xe nhưng N cùng bị cáo H1, A và hai đối tượng T2, C đã ra ngoài đứng cảnh giới, đợi sau khi nhóm của T, H, P ép buộc chị L, anh H viết giấy nhận nợ, ký hợp đồng thuê xe xong thì N mới ra về.

Bị cáo Nguyễn Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có một tiền án về tội “Cướp tài sản” (đã xoá án tích) thể hiện bị cáo có nhân thân xấu và có ý thức coi thường pháp luật, mặc dù đã được các cơ quan pháp luật giáo dục, cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải”; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có người thân là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo và gia đình tích cực làm việc thiện nguyện ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo cũng đủ tỏ dụng rắn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm; đồng thời tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng.

[5] Bị cáo Nguyễn Văn N được trừ thời gian đã bị bắt, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày bị bắt, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đã được giải quyết tại Bản án số 452/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (Một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt,

buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (*Chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/12/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*2. Về trách nhiệm dân sự:*

Anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

*3. Về án phí:* áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/6/2022.*

Bị hại anh Vũ Ngọc H và chị Cao P L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Tâm**